

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THẠNH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 32/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25-4-2025

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Bảo Ngân;
- Ông Đinh Đức Tư.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thạch – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Bà **Khổng Phúc Vĩnh Nhật** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 242/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Đồng Văn Ú-1973-có mặt.

2. **Bị đơn:** Bà Lê Thị N1-1971-có mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đồng Văn Ú trình bày: Ông Đồng Văn Ú và bà Lê Thị N1 trước đây do mai mối, được sự chấp thuận của gia đình nên có tổ chức lễ cưới vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 28/6/2012. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn và ly thân khoảng 06 năm nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà N1 cứ kiểm chuyện với ông Ú, vợ chồng thường hay bất đồng quan điểm, thường hay gây gổ, cự cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục sống chung nên ông Ú yêu cầu ly hôn với bà N1 để trả tự

do cho nhau; Về con chung: Ông Ú và N1 có 03 con chung tên là Đồng Thị Ngọc Q-11/6/1996, Đồng Thị Huỳnh N2-09/9/2001 và Đồng Hữu N3-03/9/2006. Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên ông không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có triệu tập hợp lệ bà N1 nhiều lần đến Tòa để tham gia giải quyết vụ án nhưng bà N1 không đến để trình bày ý kiến và yêu cầu của mình. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được nên vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Đến ngày 17/4/2025, bị đơn bà Lê Thị N1 có đến Tòa án trình bày ý kiến và yêu cầu như sau: Trước đây, Bà N1 và ông Ú do mai mối, được sự chấp thuận của gia đình nên có tổ chức lễ cưới vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 28/6/2012. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn và ly thân khoảng 04 năm nay, tuy nhiên, hiện nay vợ chồng vẫn sống chung nhà, không ai quan tâm lo lắng tới ai. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông Ú có quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ khác, ông Ú không quan tâm lo lắng cho vợ con, ông Ú nhiều lần đánh đuổi bà N1, từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm, thường gây gổ, cự cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nhưng bà vẫn nhẫn nhịn cam chịu sống chung nhà vì con. Nay bà N1 không còn tình cảm với ông Ú nhưng bà không đồng ý ly hôn với ông Ú vì các con của bà không muốn cha mẹ ly hôn, bà sợ ly hôn xong ông Ú dẫn người phụ nữ khác về nhà đuổi mẹ con bà đi; Về con chung: Bà N1 và ông Ú có 03 con chung tên là Đồng Thị Ngọc Q-11/6/1996, Đồng Thị Huỳnh N2-09/9/2001 và Đồng Hữu N3-03/9/2006. Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như trình bày trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến nay là đúng theo quy định pháp luật, đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Chấp nhận cho ông Ú được ly hôn với bà N1. Về con chung: do các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn. Do bị đơn có nơi cư trú tại huyện V nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét hôn nhân của ông Ú và bà N1 là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Ông Ú xác định vợ chồng đã có một thời gian chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng ly thân khoảng 06 năm nay. Theo ông Ú trình bày thì nguyên nhân là do bà N1 hay kiếm chuyện với ông Ú, từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm, thường hay gây gổ, cự cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Vợ chồng không còn quan tâm, lo lắng cho nhau, không có biện pháp hàn gắn tình cảm nên ông Ú yêu cầu ly hôn với bà N1. Bà N1 xác định thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn và ly thân khoảng 04 năm nay nhưng hiện nay vợ chồng vẫn sống chung nhà, không ai quan tâm lo lắng tới ai. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông Ú có quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ khác, ông Ú không quan tâm lo lắng cho vợ con, ông Ú nhiều lần đánh đuổi bà, từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm, thường gây gổ, cự cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nhưng bà vẫn nhẫn nhịn cam chịu sống chung nhà vì con. Nay bà N1 không còn tình cảm với ông Ú nhưng bà không đồng ý ly hôn với ông Ú vì các con của bà không muốn cha mẹ ly hôn. Mặc dù ông Ú và bà N1 sống chung nhà nhưng các bên không hòa hợp, không có tiếng nói chung, không còn quan tâm lo lắng cho nhau, hiện nay bà N1 cũng không còn tình cảm với ông Ú nhưng bà không muốn ly hôn vì các con của bà không muốn cha mẹ ly hôn. Điều này cho thấy, mâu thuẫn giữa ông bà trầm trọng, không thể tiếp tục sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận cho ông Ú được ly hôn với bà N1 là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Ông Ú và bà N1 xác định có 03 con chung tên là Đồng Thị Ngọc Q-11/6/1996, Đồng Thị Huỳnh N2-09/9/2001 và Đồng Hữu N3-03/9/2006. Hiện nay, các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động, ông bà không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

[7] Xét lời phát biểu của Viện kiểm sát là có cơ sở.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, 28, 35, 39, 147 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 53, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đồng Văn Ú được ly hôn với bà Lê Thị N1.

Về con chung: Công nhận ông Ú và bà N1 có 03 con chung tên là Đồng Thị Ngọc Q-11/6/1996, Đồng Thị Huỳnh N2-09/9/2001 và Đồng Hữu N3-03/9/2006. Các con chung hiện nay đã trưởng thành và có khả năng lao động, đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Đồng Văn Ú phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007203 ngày 21/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ, công nhận ông Ú đã nộp xong.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Sáu

